

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GPMT-UBND

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 về quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 2773/TTr-SNNMT ngày 04/9/2025 về việc cấp giấy phép môi trường cho dự án Nhà ở xã hội công đoàn tại Quảng Ngãi (kèm theo Công văn số 216/BQLDA ngày 04/9/2025 của Ban Quản lý Dự án Công đoàn về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà ở xã hội Công đoàn tại Quảng Ngãi và hồ sơ).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Ban Quản lý Dự án Công đoàn, địa chỉ: Số 82 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà ở xã hội Công đoàn tại Quảng Ngãi có địa chỉ tại xã Thọ Phong, tỉnh Quảng Ngãi với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án: Nhà ở xã hội Công đoàn tại Quảng Ngãi.

1.2. Địa điểm xây dựng: Xã Thọ Phong, tỉnh Quảng Ngãi.

1.3. Chủ trương đầu tư dự án Nhà ở xã hội Công đoàn tại Quảng Ngãi được Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam cấp tại Quyết định số 3496/QĐ-TLĐ ngày 12/6/2025 về việc phê duyệt bổ sung dự án Nhà ở xã hội Công đoàn tại Quảng Ngãi vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và chủ trương đầu tư dự án Nhà ở xã hội Công đoàn tại Quảng Ngãi.

1.4. Mã số thuế: 0107985448.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Tổng diện tích của dự án là 19.947 m² (theo Quyết định số 3496/QĐ-TLĐ ngày 12/06/2025 của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam).

- Quy mô xây dựng: 02 toà chung cư cao 9 tầng và 01 toà chung cư cao 12 tầng, công trình phụ trợ, sân vườn, giao thông nội bộ, bãi đỗ xe ngoài trời, các hạng mục hạ tầng kỹ thuật khác.

- Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công) và tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Quản lý Dự án Công đoàn có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban Quản lý Dự án Công đoàn có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, bụi, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3 Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (kể từ ngày ký).

Điều 4. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về: Quy trình thực hiện; đảm bảo thống nhất giữa hồ sơ và thực địa; tính trung thực, đầy đủ, chính xác, hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ, tài liệu, số liệu các nội dung liên quan trong hồ sơ cấp phép môi trường của dự án.

- Chủ trì, phối hợp với UBND xã Thọ Phong tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam;
- UBND xã Thọ Phong;
- Ban Quản lý Dự án Công đoàn;
- VPUB: CVP, PCVP, TTHC;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT.BPN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Phước Hiền

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải: Ba (03) nguồn phát sinh bao gồm:

- Nguồn số 01: Nước thải từ sinh hoạt của người dân tại khối nhà 1D.
- Nguồn số 02: Nước thải từ sinh hoạt của người dân tại khối nhà 1B.
- Nguồn số 03: Nước thải từ sinh hoạt của người dân tại khối nhà 1E.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Một (01) dòng nước thải tương ứng với nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải của dự án đầu nối vào hệ thống thoát nước chung trên đường quy hoạch N7-H (theo thoả thuận đầu nối của Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi tại Công văn số 273/BQL-QHXD ngày 03/8/2025).

2.2. Vị trí, tọa độ xả nước thải: Xã Thọ Phong, tỉnh Quảng Ngãi. Tọa độ xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108^0 , múi chiếu 3^0): X = 1679882; Y = 584698.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $335 \text{ m}^3/\text{ngày đêm} \approx 14 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.4. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý được bơm cưỡng bức về hố ga cuối của hệ thống xử lý sau đó tự chảy theo đường ống thoát nước thải D315 xả vào nguồn tiếp nhận.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2025/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng (*)	Không thuộc đối tượng (*)
2	Nhu cầu oxy sinh hoá (BOD_5 ở 20^0C)	mg/l	35		
3	Nhu cầu oxy hoá học (COD)	mg/l	90		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60		
5	Amoni (N-NH_4^+), tính theo N	mg/l	8,0		

6	Tổng Nito (T-N)	mg/l	30		
7	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/l	6,0		
8	Tổng Coliform	mg/l	5000		
9	Sunfua (S ²⁻)	mg/l	0,5		
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	15		
11	Chất hoạt động bề mặt anion	MPN/ 100ml	5,0		

(*): Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục, quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các căn hộ thuộc các tòa chung cư sau khi xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại 3 ngăn được thu gom đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Bể thu gom → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế của hệ thống: 335 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:

TT	Tên hóa chất	Mục đích	Định mức	Khối lượng
1	NaOCl	Khử trùng	0,5 (lít/m ³)	60 (lít/ngày)
2	Na ₂ CO ₃	Điều chỉnh pH	0,2 - 0,3 (lít/m ³)	24 - 36 (lít/ngày)
3	Dinh dưỡng	Bổ sung dinh dưỡng	0,1 - 0,2 (lít/m ³)	33,5 - 67 (lít/ngày)

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố: Không có.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải

- Nghiêm túc thực hiện quy trình vận hành.
- Định kỳ bảo dưỡng hệ thống đường ống, hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.
- Thực hiện tốt công tác giám sát chất lượng nước thải đầu vào, đầu ra; định kỳ kiểm tra hệ thống thu gom nước thải, đảm bảo không bị tắc nghẽn.
- Bố trí thiết bị dự phòng để thay thế trong trường hợp hư hỏng (máy thổi khí, máy bơm...).
- Phương án ứng phó sự cố: Khi xảy ra sự cố hệ thống xử lý nước thải sẽ đóng van xả nước, tiến hành kiểm tra xác định bể/thiết bị xử lý không hiệu quả để khắc phục. Sau khi hệ thống hoạt động ổn định lại sẽ mở van xả nước.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 6 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 335 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Nước thải đầu vào tại bể thu gom (Toạ độ: X=1679825; Y= 584727) và nước thải đầu ra sau xử lý (Toạ độ: X=1679844; Y=584711).

(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108⁰, múi chiếu 3⁰)

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.6 Phần A Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu

Việc quan trắc chất thải do chủ dự án tự quyết định nhưng phải bảo đảm theo khoản 7 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về quy chuẩn xả thải trước khi thoát ra môi trường.

3.2. Khuyến khích có nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải, hàng ngày nhân viên vận hành theo dõi và ghi chép đầy đủ các số liệu như: lưu lượng, các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh, các sự cố và biện pháp khắc phục sự cố (nếu có),...

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3.4. Báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải đến Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.6. Chủ dự án hoàn toàn chịu trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ BỤI, KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải: Một (01) nguồn khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải của dự án.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải: Một (01) dòng khí thải tương ứng với ống thải của tháp xử lý mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải của dự án. Toạ độ xả khí thải: X=1679845; Y=584704 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108^0 , múi chiều 3^0).

Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên dự án Nhà ở xã hội Công đoàn tại Quảng Ngãi, xã Thọ Phong, tỉnh Quảng Ngãi.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $2.000 \text{ m}^3/\text{ngày} \sim 48.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$ (việc chuyển đổi đơn vị m^3 sang Nm^3 khi xác định lưu lượng khí thải cần xác định rõ điều kiện kỹ thuật (nhiệt độ, áp suất) của giá trị lưu lượng quy định. Lưu lượng khí thải này có thể xác định ở điều kiện đo thực tế hoặc quy đổi về điều kiện tiêu chuẩn).

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả liên tục khi hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả ra môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT (Bảng 1, cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Hydrua sunfua (H_2S)	mg/Nm^3	7	Không thuộc đối tượng (*)	Không thuộc đối tượng (*)
2	Amoniac và các hợp chất amoniac	mg/Nm^3	20		

(*): Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc khí thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 (cột 5 và cột 6 dòng số 9 Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Khí mùi phát sinh từ các bể điều hòa, thiếu khí, hiếu khí, bể lắng, bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải tập trung được quạt hút thu gom đưa về tháp xử lý khí mùi để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí mùi → Tháp xử lý mùi → Quạt đẩy → Ống thoát khí thải ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 2.000 m³/ngày.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính, định kỳ thải bỏ 2 lần/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Nghiêm túc thực hiện quy trình vận hành, các yêu cầu và thông số kỹ thuật của thiết kế trong quá trình lắp đặt và vận hành.

- Thực hiện tốt công tác giám sát chất lượng khí thải đầu ra, kịp thời phản ứng khi phát hiện sự cố.

- Định kỳ bảo dưỡng hệ thống đường ống thu gom và các công trình xử lý khí thải.

- Nhanh chóng thay thế hoặc sửa chữa thiết bị trong trường hợp hư hỏng.

- Khi hệ thống xử lý khí thải bị sự cố, lập tức dừng hoạt động của các công đoạn phát sinh khí thải đó để xử lý, đến khi khắc phục được sự cố thì mới hoạt động lại.

- Trong quá trình vận hành nếu đề xảy ra sự cố môi trường ảnh hưởng đến môi trường và người dân xung quanh, Chủ dự án phải thực hiện khắc phục ngay sự cố và báo các cơ quan, ban ngành liên quan để phối hợp, xử lý theo quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 6 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Tháp xử lý mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại ống thải của tháp xử lý mùi từ hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu

Việc quan trắc chất thải do chủ dự án tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc 01 mẫu khí thải của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý chất thải theo khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi tại điểm e khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Khuyến khích có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý khí thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình xử lý khí thải.

3.4. Chủ dự án hoàn toàn chịu trách nhiệm khi xả khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh phát sinh tiếng ồn, độ rung: Có hai (03) nguồn phát sinh, cụ thể:

- Nguồn số 01: Máy phát điện tại nhà 1B.
- Nguồn số 02: Máy phát điện tại nhà 1D.
- Nguồn số 03: Máy phát điện tại nhà 1E.

2. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26/2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27/2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 06 giờ đến 18 giờ (dBA)	Từ 18 giờ đến 22 giờ (dBA)	Từ 22 giờ đến 06 giờ (dBA)	Ghi chú
1	55	50	45	Khu vực B

2.2. Độ rung:

TT	Từ 6 giờ đến 22 giờ (dB)	Từ 22 giờ đến 6 giờ (dB)	Ghi chú
1	65	60	Khu vực B

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Bố trí máy móc, thiết bị hợp lý nhằm ngăn ngừa sự cộng hưởng của tiếng ồn.
- Định kỳ kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị (*thông thường chu kỳ bảo dưỡng đối với thiết bị là 4 – 6 tháng/lần*): Kiểm tra độ cân bằng của máy, độ mài mòn của các chi tiết, tra dầu mỡ, siết chặt bulông, đinh vít.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung tại dự án được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.1 Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh**

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
1	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	Rắn	20
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	50
3	Hộp mực in thải có chứa thành phần nguy hại	08 02 04	Rắn	20
4	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	40
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	50
6	Thiết bị, linh kiện điện tử thải	16 01 13	Rắn	50
	Tổng cộng			230

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh gồm: thức ăn thừa, lon nước ngọt, chai nước suối, nilong,...với khối lượng khoảng 1.816 kg/ngày (khoảng 662.840 kg/năm ~ 663 tấn/năm).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**

- Khu vực lưu chứa: Gồm có 01 (một) nhà kho chất thải nguy hại.
- Diện tích kho: 3,8 m².

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa gồm các thùng loại 120, 240 lít; thiết kế, cấu tạo bằng nhựa.
- Khu vực lưu chứa: Gồm có 01 (một) nhà kho chất thải sinh hoạt.
- Diện tích kho: 3,8 m².

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: Có thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2. Thực hiện các phương án phòng chống, ứng phó với sự cố trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải, sự cố cháy nổ và đảm bảo an toàn cho người lao động.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong hồ sơ Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Tuân thủ các quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy.

3. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.
